

Cao Bằng, ngày 17 tháng 10 năm 2023

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 12

Phần E.I - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương

Ngày thi: 10/10/2023

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Ngô Tuấn Anh	7,00	Bảy	37	Nông Tuấn Khải	8,00	Tám
2	Dương Việt Bắc	7,00	Bảy	38	Phan Minh Khôi	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Thị Bích	7,50	Bảy phẩy năm	39	Nông Văn Khởi	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nguyễn Thị Bích	8,00	Tám	40	Hoàng Thị Liên	8,00	Tám
5	Lê Văn Bình	7,50	Bảy phẩy năm	41	Hoàng Ngọc Linh	7,50	Bảy phẩy năm
6	Bế Thị Cẩm	7,00	Bảy	42	Đào Diệu Linh	8,00	Tám
7	Nông Văn Cương	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Thị Thùy Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Phạm Minh Chi	7,50	Bảy phẩy năm	44	Nguyễn Thị Thùy Linh	8,00	Tám
9	Đàm Thị Hồng Chuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	45	Nông Thị Loan	8,00	Tám
10	Lê Quốc Dân	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Nguyễn Thế Long	8,00	Tám
11	Đàm Thị Diệu	8,00	Tám	47	Hà Vũ Long	7,00	Bảy
12	Triệu Thu Dị	8,00	Tám	48	Chu Tuấn Nam	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Vũ Anh Dũng	8,00	Tám	49	Hoàng Minh Ngọc	6,00	Sáu
14	Lục Đại Dương	7,50	Bảy phẩy năm	50	Linh Thị Ngọc	8,00	Tám
15	Ma Hồng Điệp	8,00	Tám	51	Vy Thị Nha	Không đủ điều kiện t	
16	Hoàng Thị Em	8,00	Tám	52	Nguyễn Thị Oanh	8,25	Tám phẩy hai năm
17	Đặng Trường Giang	7,00	Bảy	53	Phùng Mùi Phạm	8,00	Tám
18	Nông Thị Giang	7,00	Bảy	54	Lý Thế Phi	7,50	Bảy phẩy năm
19	Đinh Thị Thu Giang	7,00	Bảy	55	Nguyễn Minh Phương	8,00	Tám
20	Đỗ Trường Giang	7,50	Bảy phẩy năm	56	Trương Thị Thanh Tâm	8,00	Tám
21	Lê Thu Hà	8,00	Tám	57	Chu Thị Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm
22	Nông Thị Hà	7,50	Bảy phẩy năm	58	Đàm Thị Tư	7,50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Vũ Thu Hà	8,00	Tám	59	Hoàng Văn Thành	8,00	Tám
24	Nông Văn Hải	8,00	Tám	60	Dương Thị Thiều	7,50	Bảy phẩy năm
25	Nông Thị Bích Hạnh	8,00	Tám	61	Hoàng Lê Thông	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Nông Thị Hằng	8,00	Tám	62	Hà Thị Minh Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Lý Xuân Hân	7,00	Bảy	63	Nguyễn Thị Lệ Thu	8,00	Tám
28	Bế Thị Hòa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	64	Hoàng Bích Thủy	8,00	Tám
29	Chu Minh Huệ	8,00	Tám	65	Lê Thị Thu	7,50	Bảy phẩy năm
30	Bế Quốc Huy	8,00	Tám	66	Đàm Thị Thương	7,50	Bảy phẩy năm
31	Đoàn Đức Huy	7,50	Bảy phẩy năm	67	Lâm Hồng Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Nông Thị Hà Huyền	8,00	Tám	68	Lương Văn Trọng	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nông Thị Huyền	8,00	Tám	69	Hoàng Thị Uyên	8,00	Tám
34	Hoàng Thu Hường	8,00	Tám	70	Mạc Thị Uyên	7,50	Bảy phẩy năm
35	Ma Trung Kiên	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Hoàng Thị Yên	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khải	7,00	Bảy	72	Mã Hồng Nhung	8,00	Tám

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 03 điểm; Điểm 7,50: 19 điểm; Điểm 7,75: 06 điểm; Điểm 8,00: 31 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy




Trịnh Thị Ánh Hoa